| UỶ BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 3438 /KH-UBND | *Hải Phòng, ngày 08 tháng 6 năm 2012* |

# KẾ HOẠCH

**Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 02/06/2006 và các Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 26/6/2009, số 41-TB/TU ngày 11/10/2011 của Ban Thường vụ Thành uỷ về phát triển công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 02/06/2006 và các Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 26/6/2009, số 41-TB/TU ngày 11/10/2011 của Ban Thường vụ Thành uỷ về phát triển công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Uỷ ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch phân công trách nhiệm các sở, ngành, đơn vị với các nội dung cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

### 1. Mục đích:

Phát huy tối đa các lợi thế, huy động mọi nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá về cách thức tăng trưởng công nghiệp, trong đó trọng tâm là: đầu tư cơ sở hạ tầng công nghiệp, đổi mới mô hình thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực công nhân kỹ thuật có trình độ cao, xây dựng chính sách khuyến khích ưu tiên phát triển công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao góp phần quan trọng xây dựng Hải Phòng đến năm 2015 trở thành thành phố công nghiệp và dịch vụ cảng theo hướng văn minh, hiện đại. Cụ thể:

- Đổi mới cách thức tăng trưởng công nghiệp từ chiều rộng sang chú trọng tăng trưởng theo chiều sâu, từng bước cơ cấu lại các ngành công nghiệp thành phố theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững.

- Phấn đấu đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV đề ra: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP của thành phố đến năm 2015 chiếm 37%, trong đó GDP công nghiệp chiếm 31 – 32%, tốc độ tăng trưởng bình quân GDP ngành công nghiệp - xây dựng đạt 12,7-13,7%/năm; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP thành phố chiếm 36%, trong đó GDP công

nghiệp chiếm 30 - 31%. Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 13,5 - 14,5%/năm giai đoạn 2011-2015, từ sau năm 2015 tăng bình quân 14 - 15%/năm; phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 30% và tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế tạo trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 35%.

**2. Yêu cầu:**

- Tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân thành phố về phát triển công nghiệp.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển công nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành, các khâu sản xuất, sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao có lợi thế, có giá trị gia tăng cao, đóng góp nhiều cho ngân sách; tạo chuyển dịch cơ cấu theo hướng hợp lý, cân đối trong phát triển công nghiệp.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp mạnh, có trình độ quản trị doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh cao.

- Cụ thể hoá mục tiêu phát triển công nghiệp thành các chương trình, đề án, giải pháp thực hiện cụ thể, đồng thời phân công rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện cho các cấp, các ngành.

## II. CÁC NHÓM CHƯƠNG TRÌNH CHỦ YẾU:

| TT | NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | CƠ QUAN PHỐI HỢP | THỜI GIAN THỰC HIỆN |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Đề xuất cơ chế chính sách, tạo nguồn lực vững chắc cho phát triển công nghiệp** | | | |
| 1 | Rà soát, sửa đổi các quy định của thành phố về quản lý đầu tư theo hướng thông thoáng, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, giảm bớt các thủ tục hành chính | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở: TNMT, TC, XD, CT , Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 2 | Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ đầu tư và phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường | Sở Tài chính | Các Sở: CT, TNMT, KHĐT, UBND các quận, huyện | 2012-2015 |
| 3 | Xây dựng cơ chế, chính sách | Sở Tài | UBND các quận, | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, khoáng sản phục vụ sản xuất công nghiệp | nguyên và Môi trường | huyện, các Sở:, CT, TC, KHĐT, XD, Ban QLKKT, Cục Thuế thành phố | |
| 4 | Xây dựng chính sách yêu cầu các nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới dành 10%-15% diện tích mặt bằng sạch cho thành phố để có quỹ đất, thu hút đầu tư các dự án công nghiệp công nghệ cao | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở: TC, CT, XD, TNMT, Ban QLKKT, các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KKT, KCN, CCN | 2012-2015 |
| 5 | Nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ để trợ giúp doanh nghiệp công nghiệp đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: KHĐT, CT, TC | 2015-2020 |
| 6 | Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư cho một số cơ sở dạy nghề trọng điểm để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp công nghiệp có trình độ cao | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Sở: TC, GDĐT | 2012-2015 |
| 7 | Xây dựng quy định quản lý giá và phí thuê cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp | Sở Tài chính | Các Sở: KHĐT, CT, Ban quản lý KKT, Cục Thuế thành phố | 2013 |
| 8 | Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nhà ở gắn với hạ tầng xã hội cho người lao động tại các khu, cụm công nghiệp | Sở Xây dựng | Các Sở: KHĐT, TNMT, TC, CT, LĐ-TB và XH, Ban quản lý KKT | 2012 |
| II | **Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư** | | | |
| 1 | Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư của thành phố vào các thị trường trọng điểm: Đông Bắc Á, EU, Mỹ, Nhật Bản | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở: Ngoại vụ, CT, TC, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Tiếp tục rà soát, xây dựng tiêu chí và danh mục các dự án khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư có điều kiện và dự án không chấp thuận đầu tư | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, KHCN, TTTT, Ban quản lý KKT | 2012-2020 |
| **III** | **Quy hoạch, phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp** | | | |
| 1 | Hoàn thiện quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào và liên kết vùng | Sở Xây dựng | Các Sở: TNMT, CT, GTVT, KHĐT, TC, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 2 | Xây dựng quy hoạch tổng thể:<br>- Phát triển các cụm công nghiệp;<br>- Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp | - Sở Công Thương<br>- Ban quản lý KKT | Các Sở: XD, TC, KHĐT,UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan | 2012-2013 |
| 3 | Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở tại các doanh nghiệp công nghiệp để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động | Sở Y tế | Các Sở: CT, TC, Ban quản lý KKT | 2012-2020 |
| 4 | Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải nhằm thu hút các dự án sản xuất công nghiệp có quy mô lớn, công nghệ cao và các dự án dịch vụ hiện đại | Ban quản lý KKT | Các Sở: CT, KHĐT, TC, XD, TNMT | 2012-2015 |
| 5 | Triển khai Đề án thành lập khu công nghiệp - đô thị chuyên sâu để thu hút đầu tư các doanh nghiệp Nhật Bản | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở:: CT, TC, XD, TNMT, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 6 | Rà soát và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển hệ thống giao thông kết nối với các khu, cụm công nghiệp | Sở Giao thông vận tải | Các Sở: KHĐT, TC, CT, XD, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **IV** | **Phát triển ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao; Đẩy nhanh tốc độ đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp** | | | |
| 1 | Tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố | Sở Công Thương | Các Sở: TC, KHĐT, KHCN | 2012-2015 |
| 2 | Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (theo QĐ số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: KHĐT, CT, TC; Ngân hàng Nhà nước CN HP | 2012-2013 |
| 3 | Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, TC, KHCN, TNMT, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 4 | Tiếp tục triển khai Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập giai đoạn 2011-2015, các dự án: "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Công nghiệp" và "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các DNVVN tại địa phương" thuộc Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của DN Việt Nam đến năm 2020" (QĐ số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: CT; TC, KHĐT | 2012-2015 |
| 5 | Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng đến năm 2020 | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, TC, TNMT, XD, KHCN; Ban QLKKT | 2012-2020 |
| 6 | Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển công nghệ cao trên địa bàn thành phố | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: CT, TC, KHĐT, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 7 | Đẩy mạnh quá trình thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ doanh nghiệp. Hỗ trợ, ươm tạo phát triển các tổ chức hoạt động khoa học công nghệ, các Trung tâm tư vấn, dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: KHĐT, CT, TNMT, TC, Ban quản lý KKT | 2015-2020 |
| 8 | Tiếp tục triển khai Dự án xây dựng khu trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tại quận Kiến An | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở: KHĐT, TC và các đơn vị liên quan | 2012-2015 |
| 9 | Xây dựng, phát triển các mô hình sản xuất tập trung, mô hình mẫu lớn về trồng trọt, mô hình trang trại chăn nuôi thủy sản tập trung theo hướng thâm canh công nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ gắn với an toàn vệ sinh thực phẩm để tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ sản xuất công nghiệp chế biến | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở: KHCN, KHĐT, TC, UBND các quận, huyện | 2012-2020 |
| 10 | Tiếp tục triển khai chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Hải Phòng (theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 02/7/ 2009 của UBND thành phố) | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở: CT, KHĐT, TC, KHCN | 2012 |
| **V** | **Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực** | | | |
| 1 | Tiếp tục mở rộng các hình thức đầu tư, hợp tác phát triển đào tạo nghề theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, chú trọng đào tạo theo yêu cầu và địa chỉ | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Các Sở: GDĐT, KHĐT, TC, KHCN | 2012-2015 |
| 2 | Phát triển các hình thức hợp tác | Sở Lao | Các Sở: GDĐT, | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | quốc tế về đào tạo công nhân kỹ thuật trong khối ASEAN và các nước khác; Khai thác các nguồn tài trợ nước ngoài về vốn, chuyên gia kỹ thuật để đào tạo thợ bậc cao | động, Thương binh và Xã hội | Ngoại vụ, KHĐT | |
| 3 | Hình thành thị trường lao động có quản lý đáp ứng yêu cầu về lao động cho phát triển công nghiệp | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Các Sở: GDĐT, Liên đoàn LĐTP | 2012-2020 |
| 4 | Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới cách thức tăng trưởng, phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao. | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | Các Sở: CT, GDĐT, Nội vụ, KHĐT, KHCN | 2012-2020 |
| **VI** | **Phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu cho sản phẩm công nghiệp** | | | |
| 1 | Xây dựng chiến lược phát triển thị trường đối với các sản phẩm, ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế đảm bảo phù hợp các điều kiện, yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế và tái cấu trúc nền kinh tế | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, TC | 2012-2015 |
| 2 | Xây dựng và đưa vào hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử hàng hóa công nghiệp giữa doanh nghiệp với các nhà phân phối, người tiêu dùng trong và ngoài nước | Sở Công Thương | Các Sở: TTTT, KHCN, TC | 2012-2015 |
| 3 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, khảo sát mở rộng thị trường trong và ngoài nước cho sản phẩm công nghiệp thành phố. Cung cấp các thông tin thương mại, thị trường cho các doanh nghiệp | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, TC | 2012-2020 |
| 4 | Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị, hình thành các chợ, trung tâm giao dịch, cung | Sở Công Thương | Các Sở, Ngành, đơn vị liên quan | 2012-2015 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | ứng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp; các đại lý, đại diện thương mại của thành phố ở trong nước và quốc tế; | | | |
| 5 | Phát triển các doanh nghiệp đầu mối thu mua nguyên liệu chuyên nghiệp có kiểm soát dịch bệnh; phát triển các vùng nguyên liệu theo hình thức liên thông với các tỉnh có lợi thế về nguyên liệu của công nghiệp chế biến | Sở Công Thương | Các Sở: Y tế, NNPTNT, KHĐT, UBND các quận, huyện | 2015-2020 |
| **VII** | **Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường** | | | |
| 1 | Xây dựng kế hoạch và phối hợp tổ chức di dời doanh nghiệp không phù hợp với quy hoạch vào các khu, cụm công nghiệp | Sở Công Thương | Các Sở: KHĐT, CT, TC, XD, TNMT, Ban quản lý KKT, UBND các quận, huyện | 2012-2015 |
| 2 | Xây dựng Quy định của UBND thành phố về quản lý nguồn thải, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở: XD, CT, KHCN, Y tế, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 3 | Xây dựng mạng lưới quan trắc (không bao gồm quan trắc phóng xạ môi trường) và theo dõi tình hình môi trường ở các khu, cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn thành phố; đề xuất các biện pháp khắc phục, xử lý | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở: CT, TC, KHĐT, KHCN, Ban quản lý KKT | 2012-2015 |
| 4 | Tổ chức thực hiện công tác hậu kiểm về môi trường ở các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; đề xuất biện pháp xử lý, khắc phục | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở CT, UBND các quận, huyện, Ban quản lý KKT, Cảnh sát môi trường | 2012-2020 |
| 5 | Điều tra, đánh giá các nguy cơ, nguồn gây ô nhiễm, độc hại cho người phát sinh từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, đề xuất giải pháp xử lý dứt điểm, hiệu quả | Sở Y tế | Các Sở: TNMT, KHCN, TC | 2012-2015 |
| 6 | Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện các dự | Sở Công Thương | Sở: TNMT, NNPTNT, | 2012-2020 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | án xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, làng nghề | | KHCN, TC, KHĐT | |
| 7 | Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa việc gây ô nhiễm môi trường; Tăng cường giám sát việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường ở các cơ sở công nghiệp | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở: CT, KHĐT, Ban quản lý KKT, UBND các quận, huyện | 2012-2020 |
| **VIII** | **CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn** | | | |
| 1 | Đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phát triển làng nghề theo hướng CNH-HĐH. | Sở Công Thương | Các Sở: NNPTNT, TC, KHĐT, KHCN, Liên minh HTX, UBND các quận huyện | 2012-2020 |
| 2 | Tiếp tục thực hiện chương trình điện nông thôn, tổ chức xây dựng và triển khai quy hoạch, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lưới điện nông thôn | Sở Công Thương | Các Sở : TC, KHĐT, Cty TNHH MTV điện lực HP, UBND các quận huyện | 2012-2015 |
| 3 | Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án phát triển công nghiệp nông thôn (khuyến công) | Sở Công Thương | Các Sở, Ngành: TC, UBND các huyện | 2012-2020 |
| 4 | Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở: CT, TC, KHĐT, LĐTBXH, VHTTDL, Liên minh HTX, UBND các quận, huyện | 2012-2020 |
| 5 | Xây dựng và triển khai đề án cơ giới hóa sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở: CT, KHĐT, TC, UBND các quận, huyện | 2012-2015 |
| **IX** | **Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp** | | | |
| 1 | Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch phát triển | Sở Công Thương | Sở KHĐT, TC và các Sở, Ngành, đơn vị liên quan | 2012-2020 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | điện lực, quy hoạch phát triển cụm công nghiệp Hải Phòng | | | |
| 2 | Thực hiện hậu kiểm các doanh nghiệp công nghiệp để có cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp; tăng cường giám sát đầu tư sau cấp phép đặc biệt là các dự án phát triển hạ tầng khu, cum công nghiệp | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở: CT, TC, Ban quản lý KKT, Cục Thuế thành phố | 2012-2020 |
| 3 | Thực hiện các giải pháp, biện pháp tăng cường quản lý lao động (kể cả lao động người nước ngoài) ở các doanh nghiệp công nghiệp. | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | LĐLĐ thành phố và các đơn vị liên quan | 2012-2020 |
| 4 | Tiếp tục nâng cao năng lực thông quan theo hướng hiện đại, tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan đối với các doanh nghiệp công nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu | Cục Hải quan | Các Sở, Ngành liên quan | 2012-2020 |
| 5 | Thực hiện chương trình cải cách hiện đại hóa ngành thuế, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuế | Cục Thuế | Các Sở, Ngành liên quan | 2012-2020 |
| 6 | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn | Cục Thống kê | Các Sở: CT, KHĐT, Cục Thuế, Hải quan, Ban quản lý KKT UBND các quận, huyện | 2012-2020 |
| 7 | Xây dựng, đề xuất cơ chế phân cấp quản lý công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp cho các quận huyện đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất trên địa bàn các quận, huyện. | Sở Công Thương | Các Sở: TC, KHĐT, Nội vụ, UBND các quận, huyện, Cục Thống kê, Cục Thuế | 2012-2020 |
| 8 | Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp | Sở Y tế | Các Sở: TNMT, CT, KHCN; Ban | 2012-2020 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất | | QLKKT | |

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Căn cứ nội dung Nghị quyết 03-NQ/TU của Ban thường vụ Thành uỷ, Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày26/6/2009, Thông báo số 41-TB/TU ngày 11/10/2011 của Ban Thường vụ Thành uỷ, Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp thành phố và Kế hoạch triển khai, Ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này.

*Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU:*

- Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ được phân công; đảm bảo phối kết hợp đồng bộ trong triển khai, đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.

- Thường xuyên kiểm tra tiến độ, đánh giá, hiệu quả thực hiện các chương trình, nhiệm vụ giao cho các sở, ngành, địa phương; yêu cầu các sở, ngành định kỳ tháng 12 hàng năm cung cấp cho thường trực Ban chỉ đạo các thông tin trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành (chi tiết trong Phụ lục kèm theo). Định kỳ 06 tháng và một năm tổ chức họp sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch, tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung các chương trình, nhiệm vụ phù hợp với từng giai đoạn.

*Thường trực Ban chỉ đạo-Sở Công Thương:*

- Làm đầu mối thường trực giúp Ban chỉ đạo thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết 03-NQ/TU và hàng quý báo cáo Ban chỉ đạo tình hình thực hiện.

- Phối hợp với các ngành, các cấp liên quan thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ được phân công, thường xuyên theo dõi tiến độ triển khai Nghị quyết.

- Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp 5 năm, từng năm.

- Tham mưu với Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân thành phố lập chương trình công tác phối hợp với các Bộ, Tập đoàn, Tổng công ty.

**2.** Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì nội dung chương trình theo Kế hoạch này và thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận,

huyện chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, biện pháp tổ chức thực hiện, biện pháp phối hợp trong triển khai nhiệm vụ, dự kiến kinh phí thực hiện gửi về Thường trực Ban chỉ đạo **trong tháng 6/2012**; Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công báo cáo Thường trực Ban chỉ đạo; Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thường trực Ban chỉ đạo.

**3.** Ban chỉ đạo phối hợp với, Văn phòng Thành ủy, Ban thi đua khen thưởng thành phố báo cáo, đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy khen thưởng, động viên kịp thời các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành uỷ, Kế hoạch của Uỷ ban nhân dân thành phố về đẩy mạnh phát triển công nghiệp đến năm 2020./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Thành**

***Nơi nhận:***
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đ/c Bí thư TU ;
- CT và các PCT;
- VPTU ;
- Các thành viên BCĐ;
- Các Sở, ban, ngành TP ;
- UBND các quận, huyện ;
- CPVP;
- Các phòng CV;
- Lưu VP.

# PHỤ LỤC

*(Kèm theo Kế hoạch số 3438/KH-UBND ngày 08.. tháng .6. năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| STT | Đơn vị báo cáo | Nội dung thông tin |
|---|---|---|
| 1 | Cục Thống kê | Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp, doanh thu thuần, nguồn vốn, giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn, nộp ngân sách, số lao động bình quân, thu nhập bình quân của doanh nghiệp công nghiệp theo số chính thức của năm trước và ước thực hiện năm báo cáo. |
| 2 | Cục Thuế | Tình hình nộp ngân sách của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn (chia theo phân ngành công nghiệp cấp 2). |
| 3 | Cục Hải quan | Khối lượng, giá trị các mặt hàng công nghiệp xuất nhập khẩu, thuế xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn. |
| 4 | Ban quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng | Diện tích, tỷ lệ % được lấp đầy tại các khu công nghiệp. |
| 5 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các dự án và số vốn thu hút đầu tư phát triển công nghiệp trong và ngoài nước. |
| 9 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | - Số lượng cơ sở đào tạo, số lao động được đào tạo, số doanh nghiệp phối kết hợp đặt hàng với các trường dạy nghề và tiếp nhận học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường;<br>- Số lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các đối tượng và kết quả thực hiện các đề án, chương trình phát triển nguồn nhân lực. |
| 7 | Sở Khoa học và Công nghệ | - Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hỗ trợ kinh phí;<br>- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào sản xuất;<br>- Tình hình xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến;<br>- Tình hình doanh nghiệp thực hiện công tác tiêu chuẩn, đo |

| | | |
|---|---|---|
| | | lường, chất lượng;<br>- Tình hình đăng ký bảo hộ sở hữu công nghệ;<br>- Các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp được thẩm định công nghệ. |
| 8 | Sở Tài nguyên và Môi trường | - Tổng số dự án đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc lập Đề án bảo vệ môi trường (quy mô ĐTM) đã được thẩm định và phê duyệt;<br>- Tổng số dự án thực hiện làm xác nhận cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường (quy mô cam kết BVMT) đã được thẩm định và phê duyệt;<br>- Công tác cấp đất cho các dự án công nghiệp;<br>- Công tác quan trắc môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, các khu vực sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm cao. |
| 9 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | - Số làng nghề được công nhận làng nghề đủ tiêu chuẩn theo tiêu chí mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;<br>- Kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp nông thôn. |